TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲ HỢP** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **133**/2022/QĐST- HNGĐ	*Quỳ Hợp, ngày 23 tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2022/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm Đ, xã H, huyện Qp, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào các điều 55; 58; 81; 82; 83; 84 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2022 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Bùi Văn Q, sinh ngày 15/10/2014 cho chị Trương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con chung

cùng chị T số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Bùi Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị T và anh Bùi Văn T thỏa thuận, chị Trương Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí. Trả lại cho chị Trương Thị T 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại chị Trương Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0006927 ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An.

Anh Bùi Văn T chịu tiền án phí cấp dưỡng 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Trương Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi anh Bùi Văn T thi hành án xong, anh Bùi Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳ Hợp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳ Hợp;
- UBND xã Hạ Sơn, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Đào Văn Đạt